TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HSST
Ngày: 16/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền và ông La Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nông Văn Th (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 28/6/1980 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn K (đã chết) và con bà Nông Thị S (đã chết); vợ: Triệu Thị Kh; con: có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: tốt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lục Văn Ch, Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Nông nghiệp và PTNT (nay là Phó Chánh văn phòng HĐND – UBND) huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/6/2022, Trạm kiểm lâm Y thuộc Hạt Kiểm lâm huyện C, tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng (qua đo đạc sơ bộ bàn đầu xác định được tổng diện tích rừng bị phát phá là 8.594m^2) tại lô 39 khoảnh 6 tiểu khu 279 thuộc thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B thuộc thửa đất số 484 tờ bản đồ số 03) bị người dân phát phá trái phép cây cối tự nhiên lấy mặt bằng để canh tác, trồng trọt. Quá trình điều tra, xác minh ban đầu xác định trong tổng số diện tích bị phát phá trên là do Nông Văn Th một mình trực tiếp và thuê người phát phá trái phép vào khoảng tháng 12 năm 2021 với mục đích để lấy đất canh tác (trồng rừng).

Ngày 21/7/2022, Hạt kiểm lâm huyện C đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để tiến hành điều tra, xác minh theo quy định.

Ngày 04/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương xã B và những người có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả sử dụng máy định vị toàn cầu (GPS - MAP 78) để đo đạc, thống kê xác định tổng diện tích rừng bị Nông Văn Th phát phá trái phép tại lô 39 khoảnh 6 tiểu khu 279 thuộc thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là 8.133m^2 (tám nghìn một trăm ba mươi ba mét vuông). Qua khám nghiệm xác định trên phần diện tích bị phát phá đã được đốt dọn trồng cây mỡ, quế, bồ đề, xoan. Tổng số 46 (bốn mươi sáu) khúc gỗ các loại còn tại hiện trường có tổng khối lượng gỗ là 2,125m^3 (hai phẩy một trăm hai mươi năm mét khối) gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và qua kiểm đếm có 31 (ba mươi mốt) gốc cây gỗ tự nhiên có tổng khối lượng (phần thân gỗ trên mặt đất) 0,772m^3 (không phẩy bảy bảy hai mét khối) và qua điều tra ô tiêu chuẩn xác định tổng số cây vầu bị chặt phá trên toàn bộ diện tích rừng bị phát phá là 1057 (một nghìn không trăm năm mươi bảy) cây.

Tiến hành kiểm tra, đối chiếu với bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số: 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn; Bản đồ hiện trạng rừng năm 2020, 2021 trên địa bàn huyện C ban hành theo Quyết định số: 278/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 và Quyết định số: 375/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND huyện C thì diện tích rừng do Nông Văn Th phát phá là rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (rừng gỗ tự nhiên núi đá lá rộng thường xanh nghèo kiệt).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐGTS ngày 07/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: "46 khúc gỗ tròn nhóm V-VIII có khối lượng 2,125m^3 có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2021 là 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) và 1057 cây vầu có đường kính từ 5-8cm có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2021 là 3.171.000 (ba triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)".

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 56/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: "0,772m^3 gỗ (phần thân gốc còn lại sau khi chặt hạ, không tính phần rễ) có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2021 là 193.000đ (một trăm chín mươi ba nghìn đồng)".

Quá trình điều tra, truy tố Nông Văn Th khai nhận: Khoảng năm 2016, Th được bố đẻ mình là ông Nông Văn K, sinh năm 1955 trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giao cho quản lý, sử dụng (Bằng lời nói) diện tích đất rừng được UBND huyện C giao cho ông và vợ là bà Nông Thị S, sinh năm 1954 cùng trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn quản lý, sử dụng (thửa đất số 484 tờ bản đồ số 03 tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 421531 cấp ngày 21/5/2009) và trước đó bản thân Th từng được canh tác (trồng lúa nương, trồng sen canh cây xoan do Th lấy cây con mọc tự nhiên có sẵn tại diện tích rừng trên và cây keo còn thừa khi Th trồng theo dự án vào một phần diện tích rừng bố mẹ Th được giao). Đến năm 2016, 2017 Th đã làm thủ tục xin cấp phép và khai thác hết số cây xoan, keo mà Th trồng sen canh rồi dừng việc canh tác và bỏ hoang diện tích rừng Th được bố mẹ giao cho. Đến khoảng tháng 12 năm 2021, do có nhu cầu lấy đất canh tác (trồng rừng), nên Th đã trực tiếp sử dụng 01 máy cưa điện, 01 con dao và thuê thêm 02 vợ chồng người dân tộc Mông (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) rồi sau đó Th cùng 02 vợ chồng người dân tộc Mông sử dụng máy cưa điện và dao tiến hành phát phá (cắt, chặt các cây gỗ tự nhiên, dây leo, vầu…) một phần diện tích rừng được bố đẻ giao cho quản lý, sử dụng trong thời gian khoảng 01 tuần và Thiện đã thanh toán số tiền công cho 02 vợ chồng người dân tộc Mông là 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi phát xong Th để các cây cối khô rồi bản thân trực tiếp tiến hành đốt dọn và sau đó trồng cây mỡ, quế, bồ đề và xoan trên diện tích rừng phát phá được.

Lời khai nhận của bị cáo Nông Văn Th là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị can đã xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển và bảo vệ rừng nhất là diện tích rừng tự nhiên tại địa phương.

Tại Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSCĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nông Văn Th về tội "Hủy

hoại rừng" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn Th phạm tội " Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn Th mức án từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Không phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS; Điều khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589/BLDS.

Nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn yêu cầu Nông Văn Th phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền 4.214.000đ (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản. Ghi nhận bị cáo đã nộp tạm ứng số tiền 4.414.000đ (bốn triệu bốn trăm mươi bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Đối với số lâm sản (phần gỗ tự nhiên) có tổng khối lượng gỗ là 2,897m^3 (hai phẩy tám chín bảy mét khối) gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII còn tại hiện trường. Sau khi khám nghiệm hiện trường đã tiến hành bàn giao cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trông coi, quản lý. Do bị cáo Nông Văn Th đã nộp tạm ứng tiền để bồi thường toàn bộ thiệt cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện C và do đường đi lại khó khăn, không vận chuyển ra khỏi rừng được, Nông Văn Th không đề nghị lấy lại để nguyên số gỗ trên tại hiện trường và đại diện nguyên đơn dân sự có ý kiến để nguyên tại rừng và giao cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 1057 cây vầu bị chặt phá trên diện tích rừng mà Nông Văn Th phát phá trái phép do đã bị đốt dọn nên quá trình điều tra không tiến hành thu hồi được.

Đối với số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) Th trả cho 02 vợ chồng người dân tộc Mông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) mà Th thuê phát phá rừng cùng với Th và các con dao của 02 vợ chồng người dân tộc Mông sử dụng để phát phá diện tích rừng trên cho Th. Quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của 02 vợ chồng người dân tộc Mông nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được.

Đối với 01 (một) máy cưa điện màu đen và 01 (một) con dao dạng dao chặt đều

đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn Th. Hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C chờ xử lý do có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị tịch thu máy cưa điện hóa giá sung quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy con dao chặt.

Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sở thẩm; do bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.214.000đ (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Về vật chứng là gỗ để lại tại hiện trường: Do bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho UBND huyện C số tiền 4.214.000đ (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu lấy lại thì nguyên đơn dân sự nhất trí với đề nghị xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và các vấn đề khác như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo nói lời sau cùng không có ý kiến tranh luận đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận:

Do có nhu cầu lấy đất canh tác (trồng rừng) nên vào khoảng tháng 12 năm 2021, Nông Văn Th đã có hành vi trực tiếp dùng dao, máy cưa điện và thuê 02 vợ chồng người dân tộc Mông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) phát phá trái phép 8133m^2 (tám nghìn một trăm ba mươi ba mét vuông) diện tích rừng tự nhiên, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đá lá rộng thường xanh nghèo kiệt tại lô 39 khoảnh 6 tiểu khu 279 thuộc thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hậu quả gây thiệt hại 2,897m^3 (hai phẩy tám chín bảy mét khối) gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và 1057 cây vầu có tổng giá trị 4.214.000đ (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển và bảo vệ rừng nhất là diện tích rừng tự nhiên tại địa phương. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi phát phá trái phép rừng với diện tích 8.133m^2 (tám nghìn một trăm ba mươi ba mét vuông) là vi phạm pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 11/CT-VKSCĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của Nông Văn Th là nghiêm trọng, xâm hại đến hoạt động quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước trên địa bàn, gây tác hại đến môi trường sinh thái, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương do đó cần xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục răn đe bị cáo đồng thời đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau khi phát phá Th đã tự nguyện trồng lại cây mỡ, quế, bồ đề, xoan trên toàn bộ diện tích rừng đã phát phá trái phép với mục đích khắc phục hậu quả. Ngày 10/01/2023, Th đã tự nguyện nộp vào Chi cục THADS huyện C tổng số tiền 4.414.000đ (bốn triệu bốn trăm mươi bốn nghìn đồng) để bảo đảm bồi thường thiệt hại do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phát phá rừng trái phép bị cáo đã trồng cây mỡ trên toàn bộ diện tích Th phát phá nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền dịa phương và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, song vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy: Bị cáo có công việc chính là lao động sản xuất tại địa phương, có thu nhập và có tài sản riêng đứng tên bị cáo, tuy nhiên thu nhập thực tế từ việc sản xuất nông nghiệp thấp và không ổn định do đó Hội đồng xét xử thấy

không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền 4.214.000đ (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng). Xét yêu cầu đề nghị của nguyên đơn dân sự là chính đáng, phù hợp với thực tế thiệt hại xảy ra nên được chấp nhận toàn bộ.

Ghi nhận trước khi tòa án mở phiên tòa xét xử bị cáo đã nộp số tiền 4.414.000đ (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường. Số tiền 4.414.000đ bị cáo đã nộp là tự nguyện cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về vật chứng:

Đối với số lâm sản (phần gỗ tự nhiên) có tổng khối lượng gỗ là 2,897m^3 (hai phẩy tám chín bảy mét khối) gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII còn tại hiện trường. Sau khi khám nghiệm hiện trường đã tiến hành bàn giao cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trông coi, quản lý. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện C, và đại diện nguyên đơn cũng nhất trí việc bồi thường trách nhiệm dân sự của bị cáo.

Toàn bộ số gỗ vật chứng vụ án là gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII bị chặt hạ tại hiện trường, trong đó có một phần số gỗ do để lâu bị tác động bởi thời tiết nên một phần đã mục, hư hỏng; tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu lấy lại và đề nghị để lại tại hiện trường, xác định toàn bộ số gỗ trên là tài sản do Nhà nước quản lý nên cần tịch thu giao cho UBND huyện C xử lý theo quy định như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Đối với 1057 cây vầu bị chặt phá trên diện tích rừng mà Nông Văn Th phát phá trái phép do đã bị đốt dọn nên quá trình điều tra không tiến hành thu hồi được.

Đối với số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) Th trả cho 02 vợ chồng người dân tộc Mông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) mà Th thuê phát phá rừng cùng với Th và các con dao của 02 vợ chồng người dân tộc Mông sử dụng để phát phá diện tích rừng trên cho Th. Quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của 02 vợ chồng người dân tộc Mông nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được.

Đối với 01 (một) máy cưa điện màu đen, trên thân máy có ghi dòng chữ HITACHI, máy gắn liền với lam và xích, kích thước lam dài 27cm, rộng 06cm, máy cũ đã qua sử dụng và 01 (một) con dao dạng dao chặt, có chiều dài 42cm (trong đó phần chuôi dao bằng kim loại dài 11cm, phần lưỡi dao dài 31cm), bản rộng lớn nhất lưỡi dao 07cm, dao cũ đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn Th.

Hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Công an huyện C chờ xử lý do có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu 01 (một) máy cưa điện màu đen để hóa giá sung quỹ Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dạng dao chặt đã qua sử dụng.

[8] Đối với ông Nông Văn K, sinh năm 1955 và bà Nông Thị S, sinh năm 1954 cùng trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cùng trú tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (bố mẹ đẻ của Nông Văn Th) là người được giao quản lý, sử dụng diện tích rừng tại thửa đất số 484 tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 421531 do UBND huyện C cấp ngày 21/5/2009 (là lô 39 khoảnh 6 tiểu khu 279 thuộc thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Sau đó ông bà đã giao cho Nông Văn Th quản lý, sử dụng (bằng lời nói) và hiện tại bà S và ông K đã chết vào năm 2009 và 2018 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét, xử lý.

Đối với bà Triệu Thị Kh, sinh năm 1979, trú tại thôn N, xã Bản Thi, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (vợ Nông Văn Th). Quá trình điều tra xác định bà Kh không biết việc Th phát phá diện tích rừng trên và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét, xử lý là đúng pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 4.414.000đ (bốn triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng) để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Nông Văn Th phạm tội "Hủy hoại rừng".

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nông Văn Th 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự toàn bộ số tiền bị thiệt hại là 4.214.000đ (bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 4.414.000đ (bốn triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành dân sự huyện C trước khi mở phiên tòa để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) máy cưa điện màu đen, trên thân máy có ghi dòng chữ HITACHI, máy gắn liền với lam và xích, kích thước lam dài 27cm, rộng 06cm, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) con dao dạng dao chặt, có chiều dài 42cm (trong đó phần chuôi dao bằng kim loại dài 11cm, phần lưỡi dao dài 31cm), bản rộng lớn nhất lưỡi dao 07cm, dao cũ đã qua sử dụng .

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

- Tịch thu 2,897m^3 (hai phẩy tám chín bảy mét khối) gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII bị chặt hạ còn lại tại hiện trường giao cho UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về biện pháp tư pháp: Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.414.000đ *(*bốn triệu bốn trăm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001309 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn để thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Bị cáo Nông Văn Th phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 333/Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- THADS huyện C;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Hiến Công Hanh